NHÓM HƯ TỪ MANG Ý NGHĨA PHỦ ĐỊNH TRONG TIẾNG VIỆT

FUNCTION WORDS OF NEGATION IN VIETNAMESE

BÙI THANH HOA
(TS; Đại học Tây Bắc)

Abstract: In Vietnamese, function words of negation include *không, chẳng, chả, đâu/ đâu có, nào/ nào có, khỏi, cóc, đếch, ứ, chưa* (no, not at all, do not, never, yet). In a sense, these words, that might be used concomitantly with different subjective evaluation of speaker, deny or refute the existence of a thing, an action or a certain characteristic. These adjuncts, except *không* and *đâu*, usually stand before an expression, and can function as the object, the predicative or the complement in a sentence. In use, the above mentioned words of negation can either directly execute a speech act or indirectly supplement an utterance. Only *không* can participate in any functional language styles; others usually appear in art, living activities or deliberate writing.

Keywords: Vietnamese function words; synonym; negation.

1. Đặt vấn đề

Phủ định hiểu theo nghĩa thông thường là *"bác bỏ sự tồn tại, sự cần thiết của cái gì"* [6;778]. Như vậy, cùng với khẳng định, phủ định là một thao tác trong tình thái nhận thức của con người đối với hiện thực và đối với những điều được nói tới. Phủ định trong phát ngôn được thực hiện bằng các phương tiện thực từ và hư từ. Trong đó, các hư từ mang ý nghĩa phủ định tạo thành một nhóm hư từ đồng nghĩa với sự đồng nhất và khác biệt tinh tế, thể hiện sự phong phú và sinh động của việc giao tiếp bằng ngôn ngữ. Các hư từ thuộc nhóm này gồm *không, chẳng/ chả, đâu/ đâu có, nào/ nào có, khỏi, đếch, cóc, ứ, chưa.* Việc tập hợp và phân tích nhóm hư từ mang ý nghĩa phủ định dựa trên cơ sở mối quan hệ đồng nhất và đối lập giữa các yếu tố của hệ thống ngôn ngữ và trên nền tảng của lí thuyết ba bình diện (ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng).

2. Nhóm hư từ *không, chẳng/ chả, đâu/ đâu có, nào/ nào có, khỏi, đếch, cóc, ứ, chưa*

2.1. Bình diện ý nghĩa

Các hư từ trong nhóm có chung ý nghĩa khái quát nhưng mỗi hư từ trong quá trình hành chức lại có những đặc điểm ngữ nghĩa riêng biệt, tạo thành ý nghĩa sắc thái hóa của từng từ.

2.1.1. Ý nghĩa khái quát

Các hư từ trong nhóm đều mang ý nghĩa biểu thị sự phủ định, bác bỏ đối với điều được nêu ra sau đó (đối tượng bị phủ định có thể là một hiện tượng, sự vật, hoạt động, trạng thái, tính chất hoặc tính cách). Ví dụ:

(1) *Tôi **không** tin vào giọt nước mắt của ba. Tôi **không** tin vào bất cứ điều gì. Tôi khóc.*

Đối tượng bị phủ định trong phát ngôn trên (phần gạch chân) là hành động *tin* của chủ thể *tôi. Không* trong trường hợp này có thể được thay thế bằng các hư từ còn lại trong nhóm mà vẫn giữ nguyên nội dung phủ định. Ví dụ:

(1a) *Tôi **chẳng** tin vào giọt nước mắt của ba. Tôi **chẳng** tin vào bất cứ điều gì. Tôi khóc.*

(1b) *Tôi **chả** tin vào giọt nước mắt của ba. Tôi **chả** tin vào bất cứ điều gì. Tôi khóc.*

(1c) *Tôi **nào** tin vào giọt nước mắt của ba. Tôi **nào** tin vào bất cứ điều gì. Tôi khóc.*

(1d) *Tôi **nào có** tin vào giọt nước mắt của ba. Tôi **nào có** tin vào bất cứ điều gì. Tôi khóc.*

(1đ) *Tôi **đâu có** tin vào giọt nước mắt của ba. Tôi **đâu có** tin vào bất cứ điều gì. Tôi khóc.*

(1e) *Tôi **ứ** tin vào giọt nước mắt của ba. Tôi **ứ** tin vào bất cứ điều gì. Tôi khóc.*

(1ê) *Tôi **cóc** tin vào giọt nước mắt của ba. Tôi **cóc** tin vào bất cứ điều gì. Tôi khóc.*

LIVEWORKSHEETS

(1g) *Tôi **đếch** tin vào giọt nước mắt của ba. Tôi **đếch** tin vào bất cứ điều gì. Tôi khóc.*

2.1.2. Ý nghĩa sắc thái hoá

Tuy cùng mang ý nghĩa chỉ sự phủ định, bác bỏ nhưng mỗi hư từ trong nhóm có những sắc thái ý nghĩa phủ định khá riêng biệt.

***a.** Không*

Có khả năng dùng để biểu đạt sự phủ định đối với những nội dung, đối tượng rất rộng và phong phú.

Không có thể dùng để phủ định các kiểu sự tình trong câu cũng như các vai nghĩa, các cảnh huống.Trong đó có nhiều loại sự tình, vai nghĩa hay cảnh huống chỉ có thể bị phủ định bởi *không*. Nhất là các sự tình quan hệ. Ví dụ:

(2) *Bàn chữ nhật **không** để ăn cơm.*

(3) *Việc này **không** tại nó.*

Nội dung phủ định sự tình quan hệ mục đích và nguyên nhân trong những ví dụ trên chỉ được thực hiện bởi *không*. Khó có thể thay *không* bằng các phụ từ khác trong nhóm.

Ngữ liệu cho thấy, *không* được dùng khi người nói muốn phủ nhận sự cho phép thực hiện một hành động, trạng thái nào đó. Ví dụ:

(4) *Mày **không** được vào đây.*

Nếu thay *không* bằng *chẳng*

(4a) *Mày **chẳng** được vào đây.*

Phát ngôn chỉ còn nội dung miêu tả một sự tình, thông báo một thông tin. Phần nghĩa cho phép và tình thái mệnh lệnh sẽ bị mất đi. Sắc thái phủ định này của *không* khiến *không* thường xuất hiện trong những phát ngôn chứa các biểu thức thể hiện ý chí, quyết tâm hay hành động tuyên bố. Ví dụ:

(5) *Nhưng ta nhất định **không** được chết. **Không** được chết vào đêm nay.*

(6) *Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định **không** chịu mất nước, nhất định **không** chịu làm nô lệ.* (Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*)

Không cũng được dùng khi người nói muốn phủ định sự tồn tại của các hiện tượng có thuộc tính sự vật hay thuộc tính vật chất. Ví dụ:

(7) *Những căn nhà **không** cả vách che đằng trước vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì.*

(8) *Đường **không**. Cầu cũng **không.***

Sắc thái phủ định sự tồn tại của *không* có thể tường minh thành *không có*. Yếu tố sự vật tính trong ý nghĩa phủ định của *không* khiến phụ từ này thường xuất hiện trong những phát ngôn có tình thái hoàn toàn khách quan. Đó có thể là:

tình thái khách quan của tự nhiên. Ví dụ:

(9) *Gió **không** còn liên tục thốc vào chỗ chị ngồi.*

có thể là tình thái đánh giá khách quan của con người. Ví dụ:

(10) *Tôi **không** biết người đàn ông này là ai và định làm gì. Trông ông ta **không** giống một giáo sư, cũng **không** giống lao công hay người phục vụ trong trường học.*

***b.** Chẳng*

Chẳng thể hiện ý nghĩa phủ định có kèm theo sắc thái đánh giá của người nói đối với nội dung, đối tượng phủ định. Ví dụ:

(11) *Sau cái chết của lão Hạ, số phận Cún cũng **chẳng** đổi thay mấy.*

Nội dung phủ định của *chẳng* ở đây là sự đổi thay của số phận Cún. Ngoài ý nghĩa phủ định này, *chẳng* còn có hàm ý: lẽ ra, số phận Cún phải đổi thay sau cái chết của lão Hạ. Nếu thay *chẳng* bằng *không*, phát ngôn trên sẽ mất đi hàm ý nhận xét ấy. Vì vậy, có thể mô tả sắc thái phủ định này của *chẳng* như sau: **chẳng + A (đối tượng bị phủ định) = Đáng lẽ, lẽ ra phải A**.Nói cách khác, *chẳng* mang ý nghĩa phủ định dùng cho những trường hợp khác với bình thường (với nghĩa không được như bình thường) hay ngược với lẽ thường. Ví dụ:

(12) *Chồng Diệu là một gã trai đưa hàng. Gã có đôi mắt khô ráo hoảnh. Mắt gã **chẳng hề** xúc động trước một điều gì.*

Đôi mắt không hề xúc động trước bất cứ điều gì của cuộc sống là một điều rất bất thường. Nó thể hiện thế giới tâm hồn của một kẻ vô cảm đến kì lạ, dửng dưng đến kinh ngạc. Nếu thay *chẳng* bằng *không*, phát ngôn trên chỉ còn là câu miêu tả thông thường: *Mắt hắn không hề xúc động trước một điều gì.* Toàn bộ phần nhận xét, đánh giá chủ quan của người nói theo đó cũng bị lược bỏ. Phát ngôn này có thể

LIVEWORKSHEETS

diễn đạt theo công thức vừa khái quát phía trên:

(12a) *Chồng Diệu là một gã trai đưa hàng. Gã có đôi mắt khô ráo hoảnh. Mắt gã lẽ ra phải xúc động trước một điều gì.*

(13) *Nhà hàng xóm sang chúc Tết, Đoài ra tiếp. Đoài bảo: "Xin lỗi bác, cháu* ***chẳng*** *biết nhà bác có bao nhiêu người, tên là gì?".*

(13a) *Nhà hàng xóm sang chúc Tết, Đoài ra tiếp. Đoài bảo: "Xin lỗi bác, cháu lẽ ra phải biết nhà bác có bao nhiêu người, tên là gì?".*

Như vậy, có thể thấy, *chẳng* thường xuất hiện trong những phát ngôn có nội dung phủ định những đặc điểm, những thuộc tính khác thường so với chuẩn mực thông thường. Khác thường ở đây không phải vượt chuẩn mà thường là dưới chuẩn. *Chẳng* thường kết hợp với *mà* tạo thành mô hình *a mà chẳng b* (a và b là hai thuộc tính luôn tồn tại song song) thể hiện sự đánh giá nội dung phủ định là ngược với lẽ thường. Chẳng hạn: *có lớn mà chẳng có khôn; có đầu mà chẳng có cuối,...*

Ngữ liệu cho thấy, *chẳng* trong nhiều trường hợp chỉ mang tính phủ định một cách tương đối chứ không tuyệt đối như *không*. Ví dụ:

(14) *Ra tù, Bường* ***chẳng*** *chịu làm ăn gì, mở một quán thịt chó nhưng được hơn một năm thì phá sản.*

Phần nội dung bị phủ định bởi *chẳng* là *chịu làm ăn* đã được phát triển tiếp tục trong nội dung của câu thành hành động *mở một quán thịt chó* ở vế sau. Trường hợp này, nếu thay *chẳng* bằng *không*, phát ngôn sẽ trở nên mâu thuẫn và không lô gích. Ví dụ:

(14a) *Ra tù, Bường* ***không*** *chịu làm ăn gì, mở một quán thịt chó nhưng được hơn một năm thì phá sản.**

(15) *Đồ đạc trong nhà* ***chẳng*** *có gì: giữa nhà kê một hòm gian đựng thóc, hai bên bốn cái giường tre, quần áo vắt trên sào buộc dọc tường.*

(15a) *Đồ đạc trong nhà* ***không*** *có gì: giữa nhà kê một hòm gian đựng thóc, hai bên bốn cái giường tre, quần áo vắt trên sào buộc dọc tường.**

Nội dung phủ định tương đối *chẳng A* vì thế khiến câu có thể bổ sung thêm ý *có thể A'*. Trong đó, A' là đặc điểm rất gần với A, giống A hoặc bổ sung cho A. Còn nội dung phủ định *không A* thì không thể bổ sung thêm *có thể A'*. Ví dụ:

(16) *Đất đai vắng vẻ, rộng dài, thật là thung thổ thích hợp với loài gạo [...]* ***Chẳng*** *có thứ cây nào lại hào phóng sắc đỏ đến thế.*

(16a) ***Chẳng*** *có thứ cây nào lại hào phóng sắc đỏ đến thế. Có thể có loài trạng nguyên/ Có mỗi loài trạng nguyên.*

(16b) ***Không*** *có thứ cây nào lại hào phóng sắc đỏ đến thế. Có mỗi loài trạng nguyên.**

Sắc thái phủ định tương đối nói trên khiến *chẳng* thường được dùng khi người nói muốn đưa ra những nhận xét, kết luận mang tính chủ quan, cảm tính mà không phải chịu trách nhiệm hay có nghĩa vụ chứng minh tính chính xác của nhận xét, kết luận ấy. Ví dụ:

(17) *Nghề nghiệp cũng* ***chẳng*** *cao sang, sao nó lại ngộ chữ "tri túc", còn mình thì không?*

Ý nghĩa tương đối khiến *chẳng* có thể kết hợp với các từ chỉ sự xác nhận mơ hồ, không chắc chắn như *hình như, dường như, hầu như,...* Ví dụ:

(18) *Thiên hạ hầu như* ***chẳng*** *bao giờ ý thức được sự ngu xuẩn của họ.*

(19) *Chỉ còn có vài giờ nữa là xuân về. Nhưng trong cái trú sở của bọn tài tử Việt Nam sang đóng phim, hình như* ***chẳng*** *một ai biết xuân là gì nữa.*

Yếu tố tình thái chủ quan trong ý nghĩa của *chẳng* khiến phụ từ này thường xuất hiện trong những phát ngôn có chứa các vị từ chỉ ý muốn, mong muốn hay trạng thái tâm lí nào đó. Ví dụ:

(20) *Ngồi trên máy bay, nhìn ra bên ngoài cửa sổ thấy những đám mây đứng im như chán* ***chẳng*** *buồn bay.*

Theo quan sát của chúng tôi, có một từ trong nhóm có thể thay thế cho *chẳng* trong các trường hợp kể trên. Đó là *chả*. Có thể khẳng định, sắc thái ý nghĩa của *chẳng* và *chả* là khá

LIVEWORKSHEETS

đồng nhất. Có khả năng giữa hai từ này có tồn tại quan hệ biến âm nào đó trong lịch sử. Nhưng phạm vi của luận án chúng tôi không tìm hiểu về lịch sử ngữ âm hay từ nguyên nên dùng dự đoán này như một giả thuyết cho sự đồng nhất rất cao về sắc thái ý nghĩa của *chẳng* và *chả*.

c. *Nào/ nào có*

Sắc thái phủ định của *nào* thể hiện nội dung phủ định nằm ngoài dự đoán, suy nghĩ và sự chấp nhận của người nói. Vì vậy, *nào* thường được dùng khi người nói muốn nhấn mạnh sự phê phán hay bác bỏ điều gì đó. Ví dụ:

(21) *Vậy mà Ván - cách* ***nào*** *phải người biết điều. Thấy Tam chịu nước lép, chú lại làm già, sấn đến, tát cho Tam mấy cái.*

Nếu thay ***nào*** bằng ***không*** thì phần tình thái chủ quan phê phán của người nói (thái độ không đồng tình) đối với hành động của nhân vật *Ván – cách* trong câu trên sẽ không còn, chỉ còn nội dung miêu tả, tường thuật. Ví dụ:

(22) - *Chết! Lạy ông, con cháu* ***nào*** *dám thế! Sao ông nghĩ vẩn vơ làm vậy?*

Nào trong trường hợp này lại thể hiện sắc thái phủ định bác bỏ của người nói (*con cháu*) đối với điều mà người nghe (*ông*) cho là đúng hoặc cho là đã xảy ra (nhân vật ông cho rằng vợ chồng người cháu nghi ngờ mình ăn trộm ví) với hàm ý khẳng định: điều đó không thể xảy ra. Sắc thái nhấn mạnh của *nào* ở đây có thể tường minh thành *không bao giờ, không khi nào, không thể nào.* Nội dung này của *nào* khiến câu có thêm sắc thái phân bua, thanh minh, như trong ví dụ sau:

(23) *Bà cụ nghển lại, mặt bán diện, gầy rốc rác:*

- Tôi ***nào có*** *mở cổng cho nó. Tôi có chìa khoá đâu.*

nào ở đây tương đương với *không thể. Bà cụ* vừa bác bỏ, vừa chứng minh điều người con nghĩ (mẹ mở cửa cho *nó*) là không đúng.

d. *Khỏi*:

Khỏi mang nội dung phủ định với tình thái nhấn mạnh về tính mục đích. Ví dụ:

(24) *Chợt điệu Sanh nhớ lại chuyện hôm bữa có hai cô chú ngồi ở chỗ ghế đá này, điệu reo lên:*

"A! Con biết rồi. Cứ để yên thế cho người ta tựa vai vào nhau, ***khỏi*** *ngần ngại. Phải không thầy?"*

Khỏi trong phát ngôn trên có nội dung nghĩa tương đương với *không phải.* Ví dụ:

(25) *Cún khóc nức nở, thế là Cún mất đi một chỗ dựa rồi, chỗ dựa để Cún* ***khỏi*** *lệch trọng tâm ở trên mặt đất.*

Khỏi ở đây có nội dung nghĩa tương đương với *không bị.*

Ngữ liệu cho thấy, *khỏi* thường được dùng trong những trường hợp khi người nói muốn nhấn mạnh sự phủ định đối với những hành động, trạng thái, đặc điểm mà sự tồn tại, xuất hiện của chúng là không cần thiết, không có cơ sở hoặc có thể giải quyết được.

(26) *Khỏi lo, mai có lương rồi.*

Nội dung ngữ nghĩa của *khỏi* trong trường hợp này tương đương với *không cần, không phải* và hoàn toàn có thể thay bằng *đừng, chớ.* Vì vậy, *khỏi* trong trường hợp này có thêm tình thái cầu khiến. Người nói đặt người nghe vào trạng thái thực hiện điều mà người nói đề nghị, yêu cầu và *lo* ở đây được hiểu là trạng thái thuộc về người nghe. Nếu thay *khỏi* bằng *không, chẳng* thì tình thái cầu khiến biến mất, *lo* lập tức trở thành trạng thái thuộc về người nói.

đ. *Đâu/ đâu có*

Sắc thái phủ định của *đâu* thể hiện nội dung phủ định (việc, vật, trạng thái) xảy ra ngoài dự liệu, dự tính của người phủ định. Do đó, *đâu* có thêm tình thái thời gian quá khứ cho nội dung phủ định. Ví dụ:

(27) *Anh chỉ kể để mà kể chứ* ***đâu*** *biết nàng cứ nằng nặc muốn đến để tận mắt chứng kiến nơi hồi bé anh sống, mơ mộng và đau khổ.*

Nội dung *đâu biết nàng cứ nằng nặc muốn đến* là sự việc đã xảy ra và đã kết thúc trước thời điểm nói. Tại thời điểm phát ngôn, nhân vật *anh* có thể đã biết về việc *nàng cứ nằng nặc muốn đến.* Như vậy, *đâu* đánh dấu những nội

LIVEWORKSHEETS

dung phủ định xảy ra ngoài sự chủ định và mong đợi của người nói. Nếu thay *đâu* bằng *không*, sẽ có phát ngôn sau:

(27a) *Anh chỉ kể để mà kể chứ* ***không*** *biết nàng cứ nằng nặc muốn đến để tận mắt chứng kiến nơi hồi bé anh sống, mơ mộng và đau khổ.*

Tình thái thời gian quá khứ (được hiểu là đã xuất hiện và đã biến mất) sẽ không tồn tại. Việc *không biết nàng cứ nằng nặc muốn đến* của nhân vật *anh* đang xảy ra và tiếp diễn ở thời điểm nói.

Chức năng đánh dấu tình thái không chủ định, không mong muốn khiến *đâu* trong những trường hợp như phát ngôn trên có thể được mô tả tương đương về nghĩa qua biểu thức chứa từ *giá mà*. Nếu công thức hoá nội dung phủ định của *đâu* trong trường hợp này thành: *a đâu x* (a là chủ thể của hành động phủ định, x là đối tượng, hành động, trạng thái bị phủ định) thì công thức này tương đương với *giá mà a x*. Chẳng hạn, ví dụ sau:

(28) *Tôi cầu cứu rừng già của tôi, nhưng sự thực thì rừng già* ***đâu còn*** *để tôi chạy trốn.*

Nội dung phủ định *a đâu x* có thể được giải thích bằng cách nói chứa *giá mà a x*

(28a) *Tôi cầu cứu rừng già của tôi, nhưng sự thực thì* ***giá mà rừng già còn*** *để tôi chạy trốn.*

Sắc thái phủ định này của *đâu* không lặp lại ở các phụ từ khác trong nhóm đồng nghĩa.

Ngữ liệu cho thấy, ý nghĩa phủ định của *đâu* còn có tình thái đánh giá, thừa nhận nội dung phủ định là chính xác, hợp lí của người nói. Ví dụ:

(29) *Vợ anh tầm thường* ***đâu*** *phải lỗi của anh nhưng tôi cũng không còn tôn thờ anh nữa.*

Nếu thay *đâu* bằng *không*, ta có

(29a) *Vợ anh tầm thường* ***không*** *phải lỗi của anh nhưng tôi cũng không còn tôn thờ anh nữa.*

Phát ngôn chỉ còn nội dung thông báo một kết luận, sắc thái đánh giá chủ quan thể hiện thái độ đồng tình của người nói sẽ không còn.

Nếu *không* có khả năng dùng để phủ nhận sự tồn tại của các sự vật có thuộc tính vật chất thì *đâu* có khả năng dùng để phủ nhận các đặc điểm thuộc tính của một sự vật, đối tượng nào đó. Biến thể của *đâu* ở sắc thái này là *đâu có*. Ví dụ:

(30) *Xưa nay, theo quan niệm phổ thông, để trở thành nhà thơ* ***đâu có*** *khó.*

(31) *Bạc triệu chi cho một ông nhà văn ra cái lạt như chơi. Trong khi làm ăn, kiếm được đồng bạc* ***đâu có*** *dễ!*

(32) *Nghĩ đi nghĩ lại thấy thời gian cho mỗi đời người* ***đâu có*** *bao la bát ngát mà thấy thằng như cậu không tính đếm đong đo rồi yêu đời mà sống.*

Sắc thái phủ định của *đâu có* trong những phát ngôn trên mang tính tương đối chứ không tuyệt đối như *không, nào*, đồng thời lại có hàm ý bác bỏ đối với điều mà người nghe cho là đúng. Nếu mô hình hoá ý nghĩa của *đâu có* trong trường hợp này thành công thức *a đâu có x* (a là đối tượng, sự vật, x là thuộc tính hay đặc điểm của đối tượng, sự vật ấy) thì ta có thể lập hai công thức tương đương với *a đâu có x* là *a đừng tưởng là x* và *a có thể x nhưng không hoàn toàn.*

Ví dụ (30) có thể được giải thích thành:

($30a_1$) *Xưa nay, theo quan niệm phổ thông, để trở thành nhà thơ* ***đừng tưởng là*** *khó.*

($30a_2$) *Xưa này, theo quan niệm phổ thông, để trở thành nhà thơ* ***có thể khó nhưng không hoàn toàn.***

Trong khi đó, nếu nội dung phủ định của các phát ngôn trên nếu được diễn đạt bằng *nào có* thì công thức tương đương với *a nào có x* sẽ là *a rất y*. Trong đó, y là thuộc tính đối lập với x:

(30b) *Xưa nay, theo quan niệm phổ thông, để trở thành nhà thơ* ***nào có*** *khó.*

tương đương về nghĩa với:

(30c) *Xưa nay, theo quan niệm phổ thông, để trở thành nhà thơ rất dễ.*

e. *Cóc*

Cóc mang sắc thái nhấn mạnh nội dung phủ định với thái độ quyết liệt của người nói. Nội dung phủ định của *cóc* còn có tình thái liên nhân rõ ràng, nó cho thấy mối quan hệ vai giao tiếp của người nói và người nghe là ngang hàng

LIVEWORKSHEETS

và không gần gũi, thân thiết, không thiện chí.Ví dụ:

(33) *Tao* ***cóc*** *sợ. Tao chấp cả ba mày.*

(34) *Tôi không thể bắt bẻ thằng Sơn được. Tôi vặn vẹo cỡ nào, nó cũng đáp ro ro. Túng thế, tôi phẩy tay:*

- Tao ***cóc*** *tin mày. Để tao về tao hỏi chú tao.*

g. *Đếch*

Đếch được dùng khi người nói muốn gia tăng cho nội dung phủ định sự nhấn mạnh với mục đích làm người nghe tin vào điều mình nói.Ví dụ:

(35) *- Kìa, các bác ăn đi. Nóng sốt mới ngon. Sang năm muốn xơi thịt trâu chọi phải xuống sớm, phải có thổ công, đảm bảo với các bác đã ăn, nghiện* ***đếch*** *dứt được.*

Trường hợp này, sắc thái phủ định của *đếch* mang tính tuyệt đối hơn *không*.

Tình thái chủ quan trong nội dung phủ định của *đếch* còn thể hiện ở chỗ, hư từ này thường kèm theo một nội dung đánh giá âm tính hoặc thái độ không tích cực của người nói đối với nội dung hoặc đối tượng, hành động bị phủ định. Ví dụ:

(36) *Trời ơi! Chúa! Tôi* ***đếch*** *quan tâm.*

(37) *Nói thế, tao mà có biết đứa nào lấy tao cũng* ***đếch*** *nói.*

Ý nghĩa phủ định của *đếch* trong các phát ngôn trên tương đương với *không thèm*, thể hiện thái độ, tâm lí không tích cực của người nói.

Đếch có thể có thêm sắc thái đánh giá như trong ví dụ sau:

(38) *Ông lại làm thơ. Nhưng báo đếch nào người ta lại đăng thứ thơ ấy. Thành ra ông có tài thi sĩ mà* ***đếch***$_1$ *ai biết. Và do vậy ông cũng* ***đếch***$_2$ *công nhận ai là nhà thơ.*

Đếch$_1$ thể hiện nội dung phủ định ở đây là tất yếu. Việc không ai biết đến tài thi sĩ của nhân vật *ông* là đương nhiên, không có gì lạ. Nếu thay bằng *không*, sắc thái tất nhiên này sẽ mất đi. Qua đó bộ lộ hàm ý đánh giá của người nói về tài năng thực sự của nhân vật được nhắc tới là không đáng kể, không có gì. *Đếch*$_2$ tương đương với *không thèm*, thể hiện thái độ thiếu thiện chí của nhân vật *ông*.

Ý nghĩa của *đếch* mang tình thái liên nhân khá rõ. Phụ từ này thường được dùng trong quan hệ giao tiếp giữa người nói với người nghe có vai giao tiếp ngang hàng hoặc dưới hàng, có quan hệ tình cảm (thời điểm nói) không thân thiết, gần gũi, không lịch sự.

h. *Ứ*

Ứ có nội dung phủ định dùng cho điều mà người nói không muốn, không có nhu cầu hoặc không thích. Ví dụ:

(39) *Con ứ đi học đâu.*

Ứ ở đây tương đương về nghĩa với *không muốn*. Sắc thái phủ định này của *ứ* khiến phát ngôn có thêm tình thái cầu khiến, ở đây là đề nghị: cho con nghỉ học. Mặt khác, vì có tình thái đề nghị nên *ứ* thường dùng để phủ định những việc, hành động, trạng thái chưa hoặc chuẩn bị diễn ra. Trong trường hợp trên, hành động *đi học* chưa hề diễn ra. Sắc thái phủ định này hoàn toàn khác với *nào* (phủ định điều mà người nghe cho là đúng hoặc đã xảy ra).

Sắc thái phủ định của *ứ* mang tính tình thái liên nhân cao. Người nói thường dùng hư từ này trong giao tiếp với người có vai giao tiếp cao hơn mình về tuổi tác, đồng thời có quan hệ tình cảm thân thiết, gần gũi như giữa con cái với cha mẹ, giữa con cháu với ông bà hoặc một số quan hệ tình cảm đặc biệt khác. Sắc thái này hoàn toàn ngược lại với *đếch*. Vì thể hiến vị thế yếu hơn (hiểu theo nghĩa thấp hơn) nên *ứ* thường xuất hiện trong những phát ngôn phủ định của giới nữ hoặc trẻ nhỏ. Trường hợp nam giới trưởng thành hay ông bà, cha mẹ dùng hư từ này khi giao tiếp với vai dưới là cực kì hiếm gặp và nếu có thì vì những nguyên nhân bất thường.

Ứ thường xuất hiện trong đối thoại, nhưng cũng có trường hợp, phụ từ này được dùng trong phát ngôn miêu tả. Ví dụ:

(40) *Cứ tích tiểu thành đại lão thành các uỷ viên trong tỉnh cho đến khi chễm chệ ngồi vào bệ phóng trở thành ông đạo cao đức trọng nhưng cái máu xấu lão cố ém đi lại rơi vào*

LIVEWORKSHEETS

thằng con trai út. Nó ***ứ*** *vào học hành,* ***ứ*** *vào các trò khoe mẽ của bố của mẹ nó xuất xứ thủ kho hợp tác xã mua bán phân phối bao cấp cắt ô từ cái kim.*

Ứ ở đây vẫn duy trì sắc thái *không muốn* và tình thái liên nhân chỉ đứa con chưa trưởng thành. Những trường hợp dùng *ứ* trong phát ngôn không phải đối thoại thực ra không nhiều.

i. *Chưa*

Ý nghĩa phủ định của *chưa* mang tính thời gian, tính đến thời điểm nói. Ví dụ:

(41) *Tôi* ***chưa*** *có điều gì để chờ mong, tôi* ***chưa*** *biết mùi vị gì ở thế gian này.* (133;176)

Sau thời điểm nói, nhân vật *tôi* có thể sẽ *có điều gì* và *biết mùi vị gì ở thế gian*. Nếu thay *chưa* bằng các hư từ *không, chẳng, chả, nào, đâu,...* tình thái thời gian sẽ không còn.

Tình thái thời gian của *chưa* có thể là tình thái quá khứ. Nội dung phủ định chỉ xảy ra trước thời điểm nói và có thể hoàn toàn thay đổi ở thời điểm phát ngôn. Ví dụ:

(42) *Tất nhiên vào lúc tám tuổi, tôi* ***chưa*** *có em gái và mẹ tôi* ***chưa*** *có dịp thốt ra những lời vàng ngọc như vậy.*

Chưa trong phát ngôn trên có hàm ý rằng ở thời điểm hiện tại, nhân vật *tôi* đã có em gái và mẹ của *tôi* đã *có dịp thốt ra những lời vàng ngọc.*

Tình thái thời gian của *chưa* cũng có thể là tình thái tương lai không xác định là gần hay xa với sắc thái bỏ ngỏ về khả năng xảy ra. Ví dụ:

(43) *Đêm hôm trước rời Hà Nội sang Mỹ học* ***chưa*** *biết bao giờ trở lại, cô không sao ngủ được.*

(44) *Tiền bạc* ***chưa*** *bao giờ được con người ta thừa nhận là mối quan tâm hàng đầu.*

Nếu thay *chưa* bằng *không,* sắc thái bỏ ngỏ về khả năng có thể hoặc không thể xảy ra sẽ không còn. Phát ngôn chỉ còn nội dung thông báo về khả năng không thể xảy ra của nội dung bị phủ định.

Tình thái thời gian của *chưa* cũng có thể là tình thái vĩnh viễn trong những ví dụ sau:

(45) *Cún đã chết. Cuộc đời thật ngắn ngủi, cuộc đời của kẻ* ***chưa*** *được thành người.* (143;49)

(46) *Cả dòng họ tôi, trăm năm trước có một bà cô đẹp sánh ngang chị, nhưng lại chết ở tuổi hai mươi,* ***chưa*** *kịp làm cho đời thêm phong phú sặc sỡ nhờ vẻ đẹp của mình.*

Sắc thái phủ định này của *chưa* không lặp lại ở các hư từ khác trong nhóm.

Tình thái thời gian quá khứ khiến *chưa* có chức năng xác nhận tính xác thực trong trường hợp sau:

(47) *Con bé* ***chưa*** *được hai mươi ký.*

Nội dung phủ định *chưa được hai mươi ký* có sắc thái cam đoan của người nói. Có thể tường minh sắc thái này bằng cách bổ sung thông tin thời gian. Ví dụ:

(47a) *Con bé* ***chưa*** *được hai mươi ký. Tôi mới cân hôm qua.*

(47b) *Con bé* ***chưa*** *được hai mươi ký. Tôi sẽ cân ngày mai.**

(47a) có tính xác thực cao vì đã được kiểm nghiệm, còn (47b) không có tính xác thực mà chỉ là sự phỏng đoán của người nói và trên thực tế, ít khi cách nói này được sử dụng.

Ngữ liệu cho thấy ý nghĩa phủ định của *chưa* có thể có sắc thái đánh giá chủ quan. Ví dụ:

(48) *Khu xóm nhà mái tôn tường vôi trắng ẩn hiện sau hàng cây nghiêng dài mé nước. Màu cỏ đục lờ ngái ngút nối rạp dưới chân cầu. Từ hiên nhà ra tới đường* ***chưa*** *đầy hai chục bước.*

Hai chục bước được đánh giá là một chuẩn khoảng cách. *Chưa đầy hai chục bước* là khoảng cách dưới chuẩn, tức là rất gần. Nếu là *không đầy hai chục bước*, phát ngôn chỉ còn nội dung miêu tả, yếu tố đánh giá *rất gần* sẽ mất đi.

3. Bình diện vị trí và đặc điểm kết hợp

3.1. Vị trí

Nhóm phụ từ phủ định thường có vị trí đứng trước các đơn vị ngôn ngữ chỉ nội dung bị phủ định (NDBPĐ). Có thể mô hình hoá vị trí của

LIVEWORKSHEETS

nhóm phụ từ phủ định (PTPĐ) trong câu như sau: **PTPĐ + NDBPĐ.**

Riêng *đâu, không* có thể có vị trí sau NDBPĐ:

(49) - *Kể ra chúng mình làm thế cũng hơi quá thật. Nhưng không thế cũng không xong. En nó nể chúng mình* ***đâu*** *mà chúng mình phải nể en!*

hoặc cuối câu:

(50) *Nhưng đấy ông coi, hăm tám năm qua, nào tôi đã chết* ***đâu****.*

3.2. Đặc điểm kết hợp

3.21. *Đặc điểm của NDBPĐ*

Về cấu tạo, NDBPĐ trong mô hình trên có thể thuộc từ loại:

động từ. Ví dụ:

(51) *Bà ấy có chết chị cũng* ***chả*** *quan tâm.*

(52) *Không, em biết anh* ***chưa*** *quên em.*

tính từ. Ví dụ:

(53) *Con Dung điệu thật ra* ***chẳng*** *xinh đẹp gì, chỉ được mỗi cái làm điệu, nhưng tiếng cười của nó luôn khiến tôi tò mò.*

hay danh từ (chỉ xuất hiện trong câu chứa *không*):

(54) *Những căn nhà* ***không*** *cả vách che đằng trước vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì.* (150;159)

Về chức năng, NDBPĐ có thể là:

- chủ ngữ. Ví dụ:

(55) *Giỗ chạp, Tết nhất,* ***chẳng*** *ai đến nhà lão.*

- vị ngữ. Ví dụ:

(56) *Ông* ***chẳng*** *còn chức vị gì.*

- các thành phần phụ như:

trạng ngữ. Ví dụ:

(57) *Tiền bạc* ***chưa*** *bao giờ được con người ta thừa nhận là mối quan tâm hàng đầu.*

định ngữ. Ví dụ:

(58) *Anh hỏi những câu* ***chả*** *sử dụng chủ ngữ.*

đề ngữ. Ví dụ:

(59) *Giàu* ***đâu*** *những kẻ ngủ trưa*
Sang ***đâu*** *những kẻ say sưa tối ngày.* (ca dao)

3.2.2. *Khả năng kết hợp*

Với các từ chỉ thời gian: *không/ chưa/ chẳng/ chả + bao giờ, hề, từng, khi nào, lúc nào…*

Với các từ chỉ không gian: *không/ chưa/ chẳng/ chả + đâu, ở đâu, chỗ nào, chốn nào…*

Với các từ phiếm chỉ: *không/ chưa/ chẳng/ chả + ai, gì, sao…*

Với các động từ tình thái: *không/ chưa/ chẳng/ chả + cần, phải, nên, bị, được…*

3.3. Bình diện sử dụng

Thứ nhất, nhóm hư từ mang nghĩa phủ định thường tham gia thực hiện các phát ngôn miêu tả, kể, bác bỏ, khuyên, can ngăn, cấm đoán.

a. Miêu tả:

Người phát thông qua phát ngôn để xác nhận sự vắng mặt của một sự tình nào đó. Thực hiện chức năng này thường gặp nhất là *không*. Ví dụ:

(60) *Giữa ánh sáng chói chang nơi thành phố đầy nắng và gió, nàng biến mất như bóng đêm không để lại dấu vết.*

b. Bác bỏ

Nào, đâu thường tham gia các phát ngôn bác bỏ.Ví dụ:

(61) *Đến nhà người khác không được lục lọi đâu đấy.*

- Con có lục gì ***đâu****. Con chỉ hỏi thế thôi. Trong kia có cái gì ạ?*

Nào, đâu trong trường hợp này cùng chức năng với *mà*. Ví dụ:

(62) *Nó* ***mà*** *giỏi.*

c. Điều khiển

Phụ từ *khỏi* khi tham gia vào phát ngôn có hiệu lực đặt người nhận vào trách nhiệm không thực hiện một hành động tương lai mà người nói mong muốn. Đó là hành động điều khiển. Ở bình diện này, *khỏi* có chức năng giống với các từ *hà tất, miễn*.

Thứ hai, nhóm phụ từ phủ định tham gia vào cấu trúc lập luận với vai trò những chỉ dẫn lập luận có chức năng làm rõ hướng của luận cứ và định hướng kết luận. Ví dụ:

(63) *Tôi* ***chưa*** *thấy người lính nào đẹp như anh, thông minh như anh.*

LIVEWORKSHEETS

Chưa giúp định hướng kết luận: Anh là người lính đẹp nhất, thông minh nhất tôi từng gặp.

Thứ ba, sắc thái phủ định khách quan khiến *không* có khả năng xuất hiện ở tất các các phong cách chức năng: khoa học, hành chính, nghị luận, nghệ thuật, sinh hoạt…

Sắc thái chủ quan có trong ý nghĩa phủ định của *chẳng, chả, đâu, nào, ứ, đếch, cóc,..* thu hẹp phạm vi sử dụng của các phụ từ này trong các phong cách chức năng mang dấu ấn cái tôi của người nói như nghệ thuật, sinh hoạt, nghị luận. Trong đó, *cóc, đếch* xuất hiện trong ngôn ngữ khẩu ngữ, không mang tính trang trọng. *Ứ* dùng trong phạm vi giao tiếp hẹp của các mối quan hệ có tính cá nhân, không phải quan hệ có tính xã hội.

3.3.4. *Khả năng phân biệt phạm vi thời gian và không gian của việc sử dụng phát ngôn.*

a. Phạm vi thời gian

Biến thể thời gian của nhóm phụ từ phủ định là những hư từ phủ định cổ hiện tại không còn sử dụng. Đó là *chăng, chửa,…* Ví dụ:

(64) *Bui có một lòng trung liễn hiếu,*

Mài ***chăng*** *khuyết, nhọm* ***chăng*** *đen* (Nguyễn Trãi)

(65) *Cải* ***chửa*** *ra cây cà mới nụ*

Bầu vừa rụng rốn mướp đương hoa. (Nguyễn Khuyến)

b. Phạm vi không gian

Biến thể không gian của nhóm phụ từ phủ định là những hư từ mang nghĩa phủ định được dùng trong những phạm vi địa phương. Đó là *nỏ* ở miền Trung, *hổng* ở miền Nam. Ví dụ:

(66) *Hai con mái cứ ngơ ngơ đi miết giữa vườn,* ***nỏ*** *chịu ăn uống chi cả.*

(67) - ***Hổng*** *được! Anh lui ra đi. Đừng có mà làm ẩu.*

4. Kết luận

Nhóm phụ từ phủ định trong tiếng Việt gồm các từ: *không, chẳng, chả, đâu/ đâu có, nào/ nào có, khỏi, cóc, đếch, ứ, chưa.*

Về bình diện ý nghĩa, nhóm phụ từ trên có ý nghĩa khái quát phủ nhận, bác bỏ sự tồn tại của một sự tình, một việc, hành động hay đặc điểm nào đó. Bên cạnh nội dung phủ định khách quan, các hư từ trong nhóm có thể có sắc thái phủ định có tình thái chủ quan, đánh giá, nhấn mạnh… khá phong phú và sinh động.

Về bình diện vị trí và đặc điểm kết hợp, nhóm phụ từ phủ định thường có vị trí đứng trước biểu thức ngôn ngữ chứa nội dung bị phủ định, riêng *không, đâu* có thể đứng sau hoặc đứng cuối câu. Nhóm phụ từ này có thể kết hợp với cá từ chỉ thời gian *bao giờ, khi nào, hề, từng…*; các từ chỉ không gian *ở đâu, chỗ nào, đâu…*; các từ phiếm chỉ *ai, gì, sao…*

Về bình diện sử dụng, nhóm phụ từ phủ định có thể tham gia hình thành hành động tường thuật, miêu tả, hành động bác bỏ. *Không, chưa* có thể xuất hiện trong hầu hết các phong cách chức năng. Các phụ từ còn lại chỉ xuất hiện trong phong cách sinh hoạt, nghị luận, nghệ thuật. *Cóc, đếch* mang sắc thái không trang trọng. Biến thể thời gian của nhóm là các hư từ cổ *chăng, chửa*; biến thể không gian là các từ *nỏ, hổng*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (1986), *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

2. Đỗ Hữu Châu (1982), *Ngữ nghĩa học hệ thống và ngữ nghĩa học hoạt động*, Tạp chí Ngôn ngữ (số 3), tr.18-33.

3. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Nguyễn Thiện Giáp (1985), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

5. Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6. Hoàng Phê (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội.

7. *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

8. Nguyễn Đức Tồn (2006), *Từ đồng nghĩa tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

9. Nguyễn Văn Tu (1982), *Các nhóm từ đồng nghĩa trong tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-01-2014)

LIVEWORKSHEETS